TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-PT
Ngày 26/4/2023
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thanh

Các Thẩm phán: ông Tạ Duy Ước và ông Nguyễn Hồng Ánh

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:** ông Lê Khắc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLPT-DS ngày 12/01/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2023/QĐ-PT ngày 15/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 35/2023/QĐ-PT ngày 05/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ngân hàng TMCP VNTV; địa chỉ: số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Văn T-Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Nguyễn Huy P-Chuyên viên xử lý nợ ngân hàng TMCP VNTV; địa chỉ: ngân hàng TMCP VNTV-chi nhánh Quảng Ninh, số 12, đường 25/4, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Theo Văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022. Ông T vắng mặt, ông P có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đàm Thu H, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 53, khu 5, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt *(đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do).*

3. *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VNTV (ông Nguyễn Huy P và ông Vương Văn T là người đại diện theo uỷ quyền) khai: bà Đàm Thu H ký hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-6-2018 và khế ước nhận nợ lần 1/số: LN1806120725675 ngày 18-6-2018 vay của ngân hàng TMCP VNTV số tiền là 2.400.000.000 đồng *(hai tỷ bốn trăm triệu đồng)*; mục đích vay: hoàn vốn thanh toán tiền mua bất động sản chi tiết theo giấy chứng nhận số AO 041281; thời hạn vay: 300 tháng *(ba trăm tháng)*, từ ngày 18-06-2018 đến ngày 18-06-2043; lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với số tiền nhận nợ lần này tại thời điểm giải ngân là: 11,9%/năm; phương thức điều chỉnh lãi suất: lãi suất cho vay sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18-06-2019, điều chỉnh sau đó vào ngày 01-07-2019, mức điều chỉnh bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,8%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 300 tháng và điều chỉnh lãi suất là 03 tháng. ("Mức lãi suất cho vay điều chỉnh"); các kỳ trả nợ gốc: bên vay phải trả nợ gốc cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 18, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 18-07-2018, tổng cộng gồm 300 kỳ; các kỳ trả nợ lãi: bên vay phải trả nợ lãi cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 18, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 18-07-2018, tổng cộng gồm 300 kỳ. Lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả được xác định như sau: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Để đảm bảo cho hợp đồng vay trên, bà H đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 4c, tờ bản đồ số 23, tại tổ 7B, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 041281, số vào sổ cấp GCN: H 128 do UBND thị xã CP (nay là thành phố CP), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02-03-2009; ngày 01-06-2018 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất-UBND TP CP, tỉnh Quảng Ninh đã đăng ký sang tên cho bà Đàm Thu H. Tài

sản được thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 - Số công chứng: 4405.2018/HĐGD, quyển số 01 ngày 13-06-2018 tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng kể từ ngày 18-07-2020, nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn với lãi suất quá hạn kể từ ngày 18-07-2020. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 28-10-2022, số tiền bà H đã trả cho ngân hàng là 659.036.492 đồng *(sáu trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng)*. Trong đó: nợ gốc là 30.849.860 đồng và nợ lãi là 628.186.632 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 05-05-2022, ngân hàng TMCP VNTV yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: Buộc bà Đàm Thu H phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi, truy thu ưu đãi lãi suất và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-6-2018 tạm tính đến ngày 05-05-2022 là: 3.346.132.954 đồng *(ba tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi bốn đồng).* Trong đó: nợ gốc là 2.369.150.140 đồng, nợ lãi là 887.294.966 đồng và phạt chậm trả lãi là 89.687.847 đồng; yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến ngày bà H thực tế thanh toán hết nợ cho ngân hàng; yêu cầu Tòa án tuyên ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng, gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4c, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại tổ 7B, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AO 041281, số vào sổ cấp GCN: H128 do UBND thị xã CP (nay là UBND thành phố CP), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02-3-2009. Ngày 01-6-2018 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND thành phố CP sang tên cho bà Đàm Thu H. Tài sản được thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1806120725675 ngày 13-6-2018 - Số công chứng: 4405.2018/HĐGD, quyển số 01 ngày 13-6-2018 tại Văn phòng Công chứng Quảng Ninh. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng TMCP VNTV cho đến

khi các khoản nợ được tất toán.

Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Đàm Thu H đến Tòa án cung cấp lời khai nhiều lần nhưng bà H vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng tại phiên họp, đại diện nguyên đơn có mặt, còn bà Đàm Thu H vắng mặt không có lý do. Do đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm: ông Nguyễn Huy P là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 giữa ngân hàng TMCP VNTV-chi nhánh Sở Giao dịch và bà Đàm Thu H; buộc bà H phải trả cho ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 tạm tính đến ngày 28-10-2022 là: 3.562.545.274 đồng *(ba tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi năm nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng)*. Trong đó: nợ gốc là 2.369.150.140 đồng; nợ lãi trong hạn là 37.979.888 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.023.150.260 và lãi chậm trả là 132.264.986 đồng; kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018; trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng; trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4c, tờ bản đồ số 23, tại tổ 7B, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ 3, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 để thu hồi vốn vay; trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì bà H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản

tiền vay. Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật,

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 298, 299, 317, khoản 3 Điều 218, các Điều 319, 320, 398, 463, khoản 1 Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; các điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; các khoản 1 và 2 Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13, khoản 1 Điều 23 và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23-6-2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP VNTV.

Chấm dứt hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 giữa ngân hàng TMCP VNTV-chi nhánh Sở giao dịch có địa chỉ tại tầng 1 và tầng 3, tòa nhà số 34, phố HBT, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội và bà Đàm Thu H.

Buộc bà Đàm Thu H phải trả cho ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 tính đến ngày 28-10-2022 là: 3.562.545.274 đồng *(ba tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu,*

năm trăm bốn mươi năm nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc là 2.369.150.140 đồng *(hai tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, một trăm năm mươi nghìn, một trăm bốn mươi đồng)*; nợ lãi trong hạn là 37.979.888 đồng *(ba mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng)*; nợ lãi quá hạn là 1.023.150.260 đồng *(một tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm sáu mươi đồng)* và lãi chậm trả là 132.264.986 đồng *(một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-10-2022) cho đến khi thi hành án xong, bà Đàm Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bà Đàm Thu H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng TMCP VNTV theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp bà Đàm Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP VNTV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng diện tích 342m^2 đất ở, được giới hạn bởi các điểm 1,A,B,C,1 và tài sản gắn liền với đất là 01 bức tường ba banh diện tích 26,4m^2 , được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7 thuộc thửa đất số 4c, tờ bản đồ địa chính số 23, tại tổ 7B, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ 3, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh), theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 giữa ngân hàng TMCP VNTV-chi nhánh Quảng Ninh và bà Đàm Thu H để thu hồi vốn vay *(có sơ đồ kèm theo).*

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì bà H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP VNTV cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, lệ phí, về chi phí tố tụng, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Quyết định kháng nghị số 38/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 kháng nghị

đối với bản án sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL với nội dung:

- Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định "hợp đồng cho vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với khách hàng (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng)". Bản án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng cho vay tài sản" là không chính xác.

- Về áp dụng điều luật: Bản án tuyên chấp nhận chấp dứt Hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13/06/2018 và giải quyết các nội dung yêu cầu khởi kiện nhưng không áp dụng Điều 357, Điều 303, Điều 422, Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 để làm căn cứ giải quyết là chưa đầy đủ.

- Về tính lãi suất: tại khoản 3 Điều 2 Hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa ngân hàng TMCP VNTV và bà Đàm Thu H đã ký có ghi rõ:

+ Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% mức lãi suất *cho vay trong hạn* áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bản án buộc bà Đàm Thu H phải chịu ***lãi chậm trả 132.264.986*** *đồng đối với khoản* ***nợ lãi quá hạn là 1.023.150.260*** *đồng là không có căn cứ* và vi phạm Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn"*.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày ý kiến đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát và có quan điểm không đồng ý với toàn bộ nội dung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 38/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Đàm Thu H vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự không thực hiện được việc thỏa thuận giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, sửa bản án sơ thẩm về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng điều luật, về lãi suất chậm trả như nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn bà Đàm Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét Quyết định kháng nghị số 38/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

[2.1] Đối với nội dung kháng nghị về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy: ngân hàng TMCP VNTV và bà Đàm Thu H ký hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ, theo đó bà H vay của ngân hàng TMCP VNTV số tiền 2.400.000.000 đồng. Theo Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì Ngân hàng là tổ chức tín dụng và cho khách hàng vay là hình thức cấp tín dụng, tại Điều 1 Nghị quyết Số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định "hợp đồng cho vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với khách hàng (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng)". Do vậy, Ngân hàng là tổ chức tín dụng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng phải dựa trên cơ sở pháp luật chuyên ngành là Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn

thi hành. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa cụ thể, Hội đồng xét xử sửa bản án về nội dung này và xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do đó, nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Đối với nội dung kháng nghị về áp dụng Điều luật:

Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết các nội dung yêu cầu khởi kiện như xử lý tài sản thế chấp, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, chấm dứt hợp đồng tín dụng nhưng không áp dụng các Điều 303, Điều 357, Điều 422, Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 là thiếu sót, chưa đầy đủ. Do đó, chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm về áp dụng Điều luật.

[2.3] Đối với nội dung kháng nghị về nội dung tuyên án vi phạm về tính lãi suất:

Bản án sơ thẩm buộc bà Đàm Thu H phải chịu lãi chậm trả 132.264.986đ (một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng) đối với khoản nợ lãi quá hạn là 1.023.150.260đ (một tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm sáu mươi đồng) là không có căn cứ và vi phạm Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 2 Hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa ngân hàng TMCP VNTV và bà Đàm Thu H:

- Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự đã quy định: *"Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này";* điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: *"Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số*

dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn"* và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định nguyên tắc "*chỉ xử lý một lần đối mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*". Do đó, chỉ áp dụng lãi chậm trả đối với lãi trong hạn chưa trả. Điều 2 hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13 tháng 6 năm 2018 đã nêu trên, thì lãi chậm trả được áp dụng để tính đối với số tiền lãi trong hạn chưa trả và không có quy định tính lãi chậm trả đối với số tiền lãi quá hạn chưa trả là đúng quy định. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP VNTV khi tính lãi chậm trả theo Bảng kê tính lãi (Bút lục 261, 262), Ngân hàng TMCP VNTV lại tính lãi chậm trả trên lãi quá hạn và lãi trong hạn chưa trả, với số tiền lãi chậm trả là 132.264.986 đồng là không phù hợp với quy định của hợp đồng cũng như quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ số tiền lãi chậm trả này là không chính xác. Số tiền lãi chậm trả phải được tính như sau:

Số tiền lãi chậm trả = (số tiền lãi trong hạn chưa trả) x (150% lãi suất trong hạn, không quá 10%/năm) x (số ngày chậm trả)/365.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2022, bị đơn đã chậm trả lãi 833 ngày, số tiền lãi trong hạn chưa trả là: 37.979.888 đ, số tiền lãi chậm trả được tính như sau:

37.979.888đ x 10% x 833/365 = **8.667.739** đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi chậm trả, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV về yêu cầu bà Đàm Thu H trả tiền như sau: Bị đơn bà Đàm Thu H phải trả cho ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng cho vay LN1806120725675 ngày 13 tháng 6 năm 2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2022 là: 3.438.948.027đ *(ba tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm hai mươi bẩy đồng).* Trong đó: nợ gốc là 2.369.150.140 đồng *(hai tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, một trăm năm mươi nghìn, một trăm bốn mươi đồng)*; nợ lãi trong hạn là 37.979.888 đồng *(ba mươi bảy triệu, chín trăm*

bảy mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng); nợ lãi quá hạn là 1.023.150.260 đồng *(một tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm sáu mươi đồng)* và lãi chậm trả là 8.667.739đ *(tám triệu, sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn, bẩy trăm ba mươi chín đồng).*

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này và sửa bản án sơ thẩm đối với yêu cầu về xác định tiền lãi chậm trả.

[3] Xem xét bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bản án sơ thẩm còn có sai sót sau: bản án tuyên *"Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-10-2022) cho đến khi thi hành án xong, bà Đàm Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật"* là chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần sửa nội dung dung này như sau: *"Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-10-2022) cho đến khi thi hành án xong, bà Đàm Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật"*.

[4] Về án phí: do cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi chậm trả nên xác định số tiền bị đơn bà Đàm Thu H phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP VNTV tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2022 là 3.438.948.027 đồng. Vì vậy, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Đàm Thu H phải chịu 100.778.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng TMCP VNTV phải chịu 6.179.862đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp 49.893.000đ, trả lại cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí còn lại 43.713.138đ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 38/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, sửa bản án dân sự sơ thẩm như nhận định nêu trên.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 38/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 298, 299, 317, khoản 3 Điều 218, các Điều 319, 320, 398, Điều 303, Điều 357, Điều 422, Điều 428, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; các điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; các khoản 1 và 2 Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13, khoản 1 Điều 23 và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23-6-2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP VNTV.

Chấm dứt hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 giữa Ngân hàng TMCP VNTV - Chi nhánh Sở giao dịch có địa chỉ tại tầng 1 và tầng 3, tòa nhà số 34, phố HBT, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội và bà Đàm Thu H.

Buộc bà Đàm Thu H phải trả cho Ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 tính đến ngày 28-10-2022 là: 3.438.948.027đ *(ba tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm hai mươi bẩy đồng).* Trong đó: nợ gốc là 2.369.150.140 đồng *(hai tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, một trăm năm mươi nghìn, một trăm bốn mươi đồng)*; nợ lãi trong hạn là 37.979.888 đồng *(ba mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng)*; nợ lãi quá hạn là 1.023.150.260 đồng *(một tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm sáu mươi đồng)* và lãi chậm trả là 8.667.739đ *(tám triệu, sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn, bẩy trăm ba mươi chín đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-10-2022) cho đến khi thi hành án xong, bà Đàm Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 giữa Ngân hàng TMCP VNTV và bà Đàm Thu H nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bà Đàm Thu H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng TMCP VNTV theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp bà Đàm Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP VNTV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng diện tích 342m^2 đất ở, được giới hạn bởi các điểm 1,A,B,C,1 và tài sản gắn liền với đất là 01 bức tường ba banh diện tích 26,4m^2 , được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7 thuộc thửa đất số 4c, tờ bản đồ địa chính số 23, tại tổ 7B, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ 3, khu 2, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh), theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1806120725675 ngày 13-06-2018 giữa ngân hàng TMCP VNTV-chi nhánh Quảng Ninh và bà Đàm Thu H để thu hồi vốn vay *(có sơ đồ kèm theo).*

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ

thì bà H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP VNTV cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP VNTV tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: căn cứ vào khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng TMCP VNTV phải chịu 8.100.000 đồng *(tám triệu một trăm nghìn đồng)* lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đàm Thu H phải nộp 100.778.960 đồng *(một trăm triệu, bẩy trăm bẩy mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP VNTV phải chịu 6.179.862đ (*Sáu triệu, một trăm bẩy mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 49.893.000đ (Bốn mươi chín triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000802 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm án phí còn lại là 43.713.138đ *(Bốn mươi ba triệu, bẩy trăm mười ba nghìn, một trăm ba mươi tám đồng)*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Ánh **Tạ Duy Ước** **Bùi Đức Thanh**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố HL;
- Chi cục THADS thành phố HL;
- Lưu VP; HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thanh